

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
và Công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
quý 1 niên độ 01/07/2014 đến 30/06/2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 02 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 15/07/2014)
	Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát		(từ ngày 04/07/2014)
	Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Kinh Doanh
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Nông Nghiệp
		(từ ngày 01/08/2014)
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Kế Toán Trưởng	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thùy Tiên	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

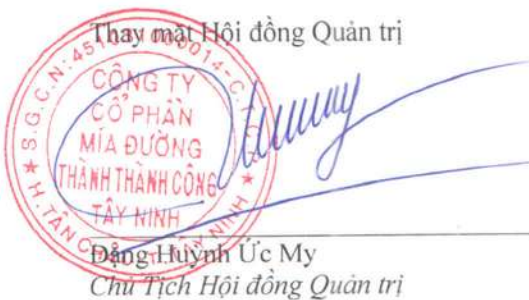
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này. ✓

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đặng Huỳnh Ước My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 02a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
I	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.109.120.884.290	2.022.213.806.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	28.988.573.973	258.582.561.758
Tiền	111		28.988.573.973	258.582.561.758
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	120.194.899.567	96.016.483.079
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		146.367.381.558	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(26.172.481.991)	(26.172.481.991)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.529.941.990.558	1.022.253.075.770
Phải thu khách hàng	131		186.055.252.604	283.177.884.083
Trả trước cho người bán	132		1.071.564.233.851	610.114.801.259
Các khoản phải thu khác	135		303.904.176.656	160.743.216.447
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(31.581.672.553)	(31.782.826.019)
IV. Hàng tồn kho	140	7	353.650.887.905	613.061.630.838
Hàng tồn kho	141		353.893.444.792	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.556.887)	(242.556.887)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.344.532.287	32.300.055.296
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.109.845.350	28.955.488.757
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.645	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	3.524.539.292	1.536.386.539
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.710.138.000	1.808.180.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.238.415.822.776	1.355.883.081.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	35.720.077.229	34.788.048.229
Phải thu dài hạn khác	218		35.720.077.229	34.788.048.229
II. Tài sản cố định	220		600.101.728.291	600.304.488.586
Tài sản cố định hữu hình	221	8	496.647.056.332	515.883.717.417
Nguyên giá	222		1.705.905.551.456	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.209.258.495.124)	(1.187.621.498.585)
Tài sản cố định vô hình	227	9	40.781.188.388	40.836.847.665
Nguyên giá	228		51.358.251.971	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.577.063.583)	(10.271.894.306)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	62.673.483.571	43.583.923.504
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	560.190.684.381	694.377.230.823
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		484.573.905.084	618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác	258		75.685.112.384	75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(68.333.087)	(69.083.087)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		42.403.332.875	26.413.314.313
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	41.987.951.771	25.398.671.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	415.381.104	1.014.642.696
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.347.536.707.066	3.378.096.888.692

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

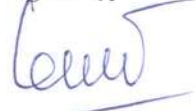
Mẫu B 03a – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.592.774.198.193	1.644.050.764.039
I. Nợ ngắn hạn	310		1.514.041.990.193	1.564.580.556.039
Vay ngắn hạn	311	14	1.226.197.112.048	1.403.047.758.331
Phải trả người bán	312		180.996.473.854	70.009.425.207
Người mua trả tiền trước	313	15	56.597.021.288	48.363.947.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10.257.844.855	4.388.001.365
Phải trả người lao động	315		4.121.516.000	2.205.023.120
Chi phí phải trả	316	17	7.549.210.154	10.146.426.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	3.655.823.971	4.069.856.415
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	24.666.988.023	22.350.117.493
II. Vay dài hạn	330		78.732.208.000	79.470.208.000
Vay dài hạn	334	20	78.732.208.000	79.470.208.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.754.762.508.873	1.734.046.124.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.754.762.508.873	1.734.046.124.653
Vốn cổ phần	411	22	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	22	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	125.609.421.786	120.999.110.932
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	101.816.231.999	99.511.076.572
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(4.960.381.269)	(4.960.381.269)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		94.142.435.390	80.341.517.451
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.347.536.707.066	3.378.096.888.692

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		1.327.735	1.617.365
Nợ khó đòi đã xử lý		9.353.475.859	9.155.696.273
Ngoại tệ các loại (USD)		3.076	2.785
Ngoại tệ các loại (Riel)		-	-

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Ngày 07 tháng 11 năm 2014



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngự

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015

Mẫu B 02a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	453.274.003.730	561.770.894.768
2. Các khoản giảm trừ	03	25	362.586.713	486.756.316
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	452.911.417.017	561.284.138.452
4. Giá vốn hàng bán	11	26	399.825.923.957	499.976.161.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		53.085.493.060	61.307.977.442
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	29.512.143.206	29.673.143.053
7. Chi phí tài chính	22	30	35.529.755.455	35.254.992.141
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		24.047.934.371	25.925.947.206
8. Chi phí bán hàng	24	27	16.235.487.029	13.148.453.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	11.369.151.587	12.991.667.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		19.463.242.195	29.586.006.751
11. Thu nhập khác	31		1.270.897.170	1.647.151.943
12. Chi phí khác	32		318.775.248	80.668.449
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		952.121.922	1.566.483.494
14. Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh liên kết			7.266.919.974	1.821.050.173
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.682.284.091	32.973.540.418
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	2.011.847.246	3.924.787.307
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	599.261.592	1.216.638.955
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		25.071.175.253	27.832.114.156
19a. Cổ đông thiểu số			0	0
19b. Chủ sở hữu công ty			25.071.175.253	27.832.114.156
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	175	206

Người lập

Kế Toán/Trưởng

Tổng Giám Đốc



Lê Phát Tín



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Ngày 07 tháng 11 năm 2014




Nguyễn Thanh Ngừ

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	27,682,284,091	47,519,282,355
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	21,758,594,495	21,975,770,590
Các khoản dự phòng	3	200,403,466	(2,112,549,552)
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5	-	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	-	(777,397,988)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	5	15,784,873,105	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết (giá trị	5	(7,266,919,974)	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công	5	(14,443,857,631)	(17,876,356,650)
ty liên quan			
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(11,061,630,809)	(15,081,888,082)
Thu nhập cổ tức	5	(2,996,602,000)	(5,879,066,400)
Chi phí lãi vay	6	24,047,934,371	26,567,888,383
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những	8	53,705,079,114	54,335,682,656
thay đổi vốn lưu động			
Biến động các khoản phải thu	9	(503,729,894,728)	(225,530,488,771)
Biến động hàng tồn kho	10	259,410,742,933	484,419,565,209
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	128,833,096,021	(32,593,077,135)
Biến động chi phí trả trước	12	(57,743,636,747)	22,077,856,944
		(119,524,613,407)	302,709,538,903
Tiền lãi vay đã trả	13	(24,885,820,485)	(27,572,612,300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,000,000,000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(1,371,378,153)	(2,822,792,135)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(149,781,812,045)	272,314,134,468

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(21,547,148,009)	(429,892,799)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	800,000,000
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan	23	(40,000,000,000)	-
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	124,762,125,000	-
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	20,000,000,000	-
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1,000,000,000)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	15,643,563,452	35,858,641,441
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	97,858,540,443	36,228,748,642
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	703,627,506,761	309,054,359,140
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(881,216,153,044)	(629,986,414,661)
Tiền chi trả cổ tức	36	(82,069,900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(177,670,716,183)	(320,932,055,521)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(229,593,987,785)	(12,389,172,411)
Tiền đầu năm	60	258,582,561,758	35,662,666,763
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	28,988,573,973	23,273,494,352

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 07 tháng 11 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/9/2014	30/06/2014
Công ty con				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (“TTCE”)	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014.	90%	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
Các công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ")	Xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008.	49,45%	49,45%
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001.	21,64%	21,64%
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong")	Sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.	Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005.	23,95%	23,95%

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà ("Đường La Ngà")	Sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí.	Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000.	24,89%	24,89%
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai ("Mía đường Gia Lai")	Sản xuất đường và các phụ phẩm từ mía đường để bán; trồng mía; sản xuất điện để bán; thiết kế công trình dân dụng; chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư vào thị trường tài chính.	Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009.	0%	23,69%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh ("Hóa chất Tây Ninh")	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 1 năm 2013.	26,32%	26,32%
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công")	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	24,00%	24,00%

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, Công ty có 495 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 2 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
Tiền mặt	2.188.169.913	1.630.674.379
Tiền gửi ngân hàng	26.800.404.060	256.951.887.379
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	28.988.573.973	258.582.561.758

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	414.764.610.477	405.624.797.402
Trả trước cho người bán	656.799.623.374	204.490.003.857
	1.071.564.233.851	610.114.801.259

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Phải thu TTC	102.583.598.641	102.583.598.641
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	58.236.708.970	48.850.972.567
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ Phần KCN Thành Thành Công , một công ty liên kết	10.785.292.191	6.787.840.584
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Thuận Thiên, một cổ đông	184.166.667	404.458.334,00
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	148.225.833	-
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	259.722.222	-
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Bao bì Thành Thành Công	1.000.112.480	475.001.368,00
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	1.108.409.008	-
Thuế Nhập khẩu đường thô	115.733.340.480	-
VAT hàng nhập khẩu	13.020.000.804	-
Phải thu khác	844.599.360	1.641.344.953
	303.904.176.656	160.743.216.447

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	22.623.299.000	21.363.986.000
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	13.096.778.229	13.424.062.229
	35.720.077.229	34.788.048.229

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	222.135.239.238	96.273.123.996
Công cụ và dụng cụ	99.232.518	160.652.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.123.348.695	13.829.296.766
Thành phẩm	115.535.624.341	487.576.719.523
Hàng hóa	-	12.485.237
Hàng gửi đi bán	-	15.451.909.835
	353.893.444.792	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	353.650.887.905	613.061.630.838

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.332.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Tăng trong năm	-	420.000.000	1.980.335.454	-	-	2.400.335.454
Số dư cuối kỳ	282.064.393.766	1.337.097.203.750	23.313.312.738	5.025.310.672	58.405.330.530	1.705.905.551.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	150.886.142.035	962.849.612.821	11.291.648.319	4.243.351.626	58.350.743.765	1.187.621.498.566
Khấu hao trong năm	2.536.501.254	18.361.751.942	627.621.705	103.773.945	7.347.693	21.636.996.539
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	153.422.643.289	981.211.364.763	11.919.270.024	4.347.125.571	58.358.091.458	1.209.258.495.105
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	131.178.251.731	373.827.590.929	10.041.328.965	781.959.046	54.586.765	515.883.717.436
Số dư cuối kỳ	128.641.750.477	355.885.838.987	11.394.042.714	678.185.101	47.239.072	496.647.056.351

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 có các tài sản với nguyên giá 228.158 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 227.518 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.624.987.150	51.108.741.969
Tăng trong năm	-	249.510.000	249.510.000
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.874.497.150	51.358.251.969
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.170.349.888	3.101.544.417	10.271.894.305
Khấu hao trong năm	264.098.547	41.070.730	305.169.277
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.434.448.435	3.142.615.147	10.577.063.582
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	40.313.404.931	523.442.733	40.836.847.664
Số dư cuối kỳ	40.049.306.384	731.882.003	40.781.188.387

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 4.361 triệu VND đã được khấu hao hết (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 4.361 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014	Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	43,583,923,504	59,319,464,393
Tăng trong kỳ	19,089,560,067	16,551,693,780
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(20,822,488,864)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(602,442,524)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn		(10,050,165,628)
Xóa sổ		(812,137,653)
Số dư cuối kỳ	62,673,483,571	43,583,923,504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:	30/09/14				30/06/14			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (ii)	24.500.000	49,45%	49,45%	160.831.857.160	24.500.000	49,45%	49,45%	162.549.095.834
• Cty CP Đường Biên Hòa (iii)	13.630.296	21,64%	21,64%	191.419.349.806	13.630.296	21,64%	21,64%	195.453.847.206
• Cty CP Mía đường La Ngà (iv)	2.040.802	24,89%	24,89%	44.750.007.753	2.040.802	24,89%	24,89%	45.908.947.434
• Cty CP Đường Nước Trong (v)	1.389.302	23,95%	23,95%	49.412.145.633	1.389.302	23,95%	23,95%	49.329.042.679
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vi)	3.157.920	26,32%	26,32%	30.958.193.497	3.157.920	26,32%	26,32%	31.167.193.138
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (vii)	720.000	24,00%	24,00%	7.202.351.235	720.000	24,00%	24,00%	7.129.929.336
• Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (viii)	0	0,00%	0,00%	0	9.240.000	23,69%	23,69%	127.222.395.899
				484.573.905.084				618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác:								
• Đầu tư vào công ty khác (ix)				74.915.050.000				74.915.050.000
• Đầu tư dài hạn khác				770.062.384				770.812.384
				75.685.112.384				75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(68.333.087)				(69.083.087)
				560.190.684.381				694.377.230.823

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/09/14 VND	30/06/14 VND
Đầu tư ngắn hạn		
• Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công (x)	126.367.381.558	122.188.965.070
• Cho vay tổ chức khác	20.000.000.000	-
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(26.172.481.991)	(26.172.481.991)
Số dư cuối kỳ	120.194.899.567	96.016.483.079

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán si); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía. Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà ("Đường La Ngà") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện;
- (iv) Trong năm 2013 Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong"). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (v) Trong năm Công ty đã góp 3.157.920 cổ phần (26,32%) của Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (vi) Trong năm 2013 Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công"). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (vii) Công ty Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính. Trong kỳ, công ty Đường Gia Lai đã thay đổi giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 9 nâng vốn điều lệ lên 389.998.760.000đ. Trong kỳ Công ty đã bán toàn bộ 9.240.000 cổ phiếu.
- (viii) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5%. Trong kỳ Công ty đã thanh toán một phần nợ gốc vay là 60.000.000.000 VNĐ. Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 10.724.713.751 VND (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.133.494.793 VND) đã được đổi thành nợ gốc vay.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Đầu tư cổ phiếu bao gồm:

	30/09/2014		30/06/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000
Số dư cuối kỳ	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/14	30/06/14	30/09/14	30/06/14
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	122.188.965.070	171.464.251.319	694.446.313.910	658.268.537.865
Tăng đầu tư trong kỳ	44.178.416.488	260.724.713.751	-	25.200.000.000
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(20.000.000.000)	(310.000.000.000)	(127.289.501.645)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-	(1.093.914.171)	(2.995.367.883)
Cổ tức nhận được	-	-	(1.474.602.833)	(1.389.302.000)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	(1.389.546.510)	(3.008.837.363)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh liên kết	-	-	(2.938.981.283)	20.929.294.899
Biến động đầu tư dài hạn khác	-	-	(750.000)	(2.558.011.608)
Số dư cuối kỳ	146.367.381.558	122.188.965.070	560.259.017.468	694.446.313.910

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/2014	30/06/2014	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	26,172,481,991	26,752,268,285	69,083,087	71,732,907
Hoàn nhập trong kỳ	-	(579,786,294)	(750,000)	(2,649,820)
Số dư cuối kỳ	26,172,481,991	26,172,481,991	68,333,087	69,083,087

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	25,398,671,617	1,553,111,727
Tăng trong kỳ	17,367,209,481	26,724,626,440
Chuyển từ CP XD CB qua		602,442,524
Phân bổ trong kỳ	(777,929,327)	(3,481,509,074)
Số dư cuối kỳ	41,987,951,771	25,398,671,617

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1,178,783,770,048	1,355,634,416,331
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	47,413,342,000	47,413,342,000
Số dư cuối kỳ	1,226,197,112,048	1,403,047,758,331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	4.25% - 7.87%	-	115.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	6.5% - 7.5%	216.900.000.000	241.900.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	3.15% - 6.5%	165.861.706.000	210.261.706.000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	6.5% - 7.0%	114.619.273.200	118.187.023.200
• NH Công Thương TN (v.a)	VND	4.5% - 7.0%	197.349.252.115	80.954.744.359
• Ngân hàng Công thương CN1 (v.b)	VND	4.5% - 7.0%	185.018.304.302	146.868.888.762
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	6.15% - 7.0%	63.000.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	6.0% - 6.5%	57.805.102.308	59.599.731.492
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	6.2% - 6.9%	28.800.000.000	94.200.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ix)	VND	4.0% - 4.5%	14.432.352.000	89.432.352.000
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (x)	VND	6.0% - 6.5%	63.113.809.605	62.976.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xi)	VND	6.49% - 6.61%	57.533.970.518	57.533.970.518
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	8,5% - 12.0%	14.350.000.000	18.020.000.000
			1.178.783.770.048	1.355.634.416.331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (30/06/2014: 14 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 32.652 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 97.500 triệu VND và 14 triệu USD.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (30/06/2014: 250.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây. Khoản vay này còn được đảm bảo bằng 1.000.000 cổ phiếu (30/06/2014: 1.000.000 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 2.996.602 cổ phiếu (30/06/2014: 2.996.602 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2014: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (30/06/2014: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 9 năm 2014.
- (v) (v.a) và (v.b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (30/06/2014: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (30/06/2014: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2014.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/06/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/06/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

15. Người mua trả tiền trước

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	45.695.210.000	45.695.210.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	8.172.014.000	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công, một công ty liên quan để mua dịch vụ	-	120.400.000
Người mua trả tiền trước	1.515.797.288	1.334.337.151
	56.597.021.288	48.363.947.151

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.005.743.445	3.433.329.945
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(3.524.539.292)	0
Thuế thu nhập cá nhân	252.101.410	954.671.420
	6.733.305.563	4.388.001.365

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Chi phí phải trả

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	4.122.036.630	5.055.191.305
Chi phí lãi vay	1.861.211.798	2.699.097.912
Phép năm không sử dụng	479.742.320	574.018.820
Chi phí khác	1.086.219.406	1.818.118.920
	7.549.210.154	10.146.426.957

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.599.583.756	1.576.076.357
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	491.018.835	408.948.935
Khác	365.221.380	884.831.123
	3.655.823.971	4.069.856.415

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.350.117.493	16.447.220.705
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	3.688.248.683	19.120.533.359
Sử dụng quỹ	(1.371.378.153)	(13.217.636.571)
Số dư cuối kỳ	24.666.988.023	22.350.117.493

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

20. Vay dài hạn

	30/09/2014	30/06/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	126.145.550.000	126.883.550.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh)	(47.413.342.000)	(47.413.342.000)
	78.732.208.000	79.470.208.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/09/2014 VND	30/06/2014 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	14.318.050.000	14.318.050.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	VND	9,6%	2016	6.645.000.000	7.383.000.000
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (iii)	VND	11,5%	2016	105.182.500.000	105.182.500.000
				126.145.550.000	126.883.550.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (30/06/2014: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được hoàn trả trong 12 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (30/06/2014: 10.700 triệu VND). Số dư 2.370.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được hoàn trả trong 8 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số dư 4.275.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (30/06/2014: 2.500 triệu VND) và Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị là 2.850 triệu VND (30/06/2014: 2.850 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (30/06/2014: 120.000 triệu VND). Số dư 52.328.500.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.466 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.462 triệu VND vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Số dư 52.854.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VND vào ngày 25 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 12.630.296 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 183.179 triệu VND (30/06/2014: 4.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và 9.135.148 với giá trị ghi sổ 189.198 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	(4.960.381.269)	158.748.506.638	1.776.602.113.792
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	0
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	0
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	47.651.081.870	47.651.081.870
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	-	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	25.071.175.253	25.071.175.253
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	-	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Phát hành cổ phiếu phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	(4.960.381.269)	94.142.435.390	1.754.762.508.873

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/14		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/09/2014		30/06/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	61.577.199.043

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

23. Cổ tức

Trong kỳ không có phát sinh cổ tức.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	431,108,023,583	538,219,882,601
Bán mật đường	14,999,733,338	7,967,689,527
Bán điện	0	0
Bán phân bón	7,030,523,809	15,583,322,640
Khác	135,723,000	0
	453,274,003,730	561,770,894,768
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(362,586,713)	(486,756,316)
Doanh thu thuần	452,911,417,017	561,284,138,452

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	377,923,665,377	477,951,719,808
Giá vốn mật đường	14,879,985,082	7,400,242,984
Giá vốn điện	0	0
Giá vốn phân bón	6,928,161,540	14,624,198,218
Khác	94,111,958	0
	399,825,923,957	499,976,161,010

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	867.992.528	1.303.682.705
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	490.314.685	13.201.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.830.696	399.527.181
Chi phí bảo hành	1.300.000	556.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.360.490.328	9.757.989.313
Chi phí bằng tiền khác	1.428.558.792	1.673.496.627
	16.235.487.029	13.148.453.660

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	5.122.431.216	5.099.289.284
Chi phí vật liệu quản lý	106.363.939	178.384.539
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	10.607.000	631.927.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	739.083.136	833.702.301
Thuế, phí và lệ phí	67.227.066	18.328.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.872.521.484	2.126.110.373
Chi phí bằng tiền khác	3.450.917.746	4.103.925.510
	11.369.151.587	12.991.667.943

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	11.061.630.809	15.081.888.082
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	9.980.494.728	10.071.727.406
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	8.337.147.167	4.428.875.287
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	65.223.540	88.016.055
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.646.962	2.636.223
	29.512.143.206	29.673.143.053

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.803.363.893	33.125.935.014
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(750.000)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.366.062	918.022.127
Hoạt động đầu tư chứng khoán	6.671.775.500	-
Khác	-	1.211.035.000
	35.529.755.455	35.254.992.141

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2,011,847,246	3,924,787,307
	2,011,847,246	3,924,787,307
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	599,261,592	1,216,638,955
Chi phí thuế thu nhập	2,611,108,838	5,141,426,262

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 -> 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	27.046.866.192	37.420.573.337
Ứng trước tiền hàng	3.875.082.070	-
Lãi ứng trước tiền hàng	-	4.800.833.334
Cho vay	-	30.000.000.000
Lãi cho vay	-	586.666.667
Nhận cung cấp dịch vụ	1.634.929.423	2.693.804.834
Cung cấp dịch vụ	40.909.091	-
Chi hoạt động khác	23.106.662	352.649.744
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Ứng trước tiền hàng	60.000.000.000	
Lãi ứng trước tiền hàng	332.392.500	
Mua hàng hóa	6.921.514.285	
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	201.139.068	410.309.553
Ứng trước tiền đường	91.000.000.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng	592.281.888	-
Cung cấp dịch vụ	65.454.546	65.454.546
Mua đường thô	73.315.792.223	-
Nhận cung cấp dịch vụ	99.212.582	90.903.559
Chi hoạt động khác	1.917.545	18.578.544
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công		
Lãi cho vay	3.518.908.095	9.929.682.261
Lãi từ trả trước cho mua quyền sử dụng đất	4.656.960.000	-
Cổ tức		1.389.302.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 -> 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Phí bảo quản kho	25.802.811	23.494.948
Cổ tức	6.815.148.000	-
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Cổ tức	-	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Nghiên Cứu và Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Chi đầu tư	3.832.500	-
Bán hàng hóa	45.727.500	88.780.952
Cung cấp dịch vụ	-	4.911.762
Mua hom giống	-	55.258.000
Nhận cung cấp dịch vụ	55.000.000	-
Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai		
Bán hàng hóa	152.854.537	-
Cung cấp dịch vụ	249.598.474	-
Ứng trước tiền đường	30.000.000.000	-

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 29.824 triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013: 42.378 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (ngày 30 tháng 09 năm 2013: 135.103.415), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	25.071.175.253	27.832.114.156

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến
30/06/2015(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/07/14 đến 30/09/14	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	135.103.415
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành thêm trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>143.506.160</u>	<u>135.103.415</u>

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám Đốc




Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 07 tháng 11 năm 2014